

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LƯU VĂN NAM

**THUẬT NGỮ VŨ KHÍ: NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU CẤU TẠO,
ĐỊNH DANH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG DỊCH THUẬT ANH-VIỆT**

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu

Mã số: 62 22 02 41

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

HÀ NỘI - 2021

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. Trịnh Cẩm Lan

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở
đào tạo họp tại:**

vào hồi giờ ngày thángnăm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ở Việt Nam, ngành chế tạo vũ khí đã được quan tâm phát triển kể từ khi nước nhà giành được độc lập vào năm 1945. Tuy nhiên, khả năng chế tạo các loại vũ khí mới mà có nhiều tính năng hiện đại, thông minh còn khá hạn chế. Một trong những hệ quả của điều này là việc định danh các loại vũ khí hiện đại có nhiều đặc điểm, chức năng ưu việt và việc xây dựng hệ thống thuật ngữ vũ khí (TNVK) chủ yếu dựa vào các thuật ngữ tiếng Anh, tiếng Nga, v.v...

Như chúng ta biết, thuật ngữ là hệ thống từ ngữ khoa học phản ánh sự phát triển của một ngành khoa học hay lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Nghiên cứu về thuật ngữ đã được chú ý từ rất lâu, và cho đến nay, những nghiên cứu về thuật ngữ vẫn tiếp tục được chú ý song song cùng với sự phát triển của khoa học-công nghệ. Do đó, công tác nghiên cứu và xây dựng thuật ngữ có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình phát triển khoa học công nghệ của mỗi quốc gia, đặc biệt là trong giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn bao giờ hết hiện nay. Đối với ngành chế tạo vũ khí- ngành có vai trò quan trọng đối với nền an ninh quốc phòng của mỗi quốc gia, công tác nghiên cứu về TNVK cũng có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của ngành. Tuy nhiên, việc nghiên cứu này ở Việt Nam vẫn chưa nhận được nhiều sự quan tâm thích đáng.

Xem xét lịch sử nghiên cứu, có thể nói, số lượng các công trình, bài nghiên cứu liên quan đến thuật ngữ vũ khí còn hạn chế. Đặc biệt, những công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu

đối chiếu TNVK Anh-Việt cho đến thời điểm này hoàn toàn chưa có. Chính vì vậy, việc khảo sát sự tương đồng và khác biệt về đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh và vấn đề tương đương dịch thuật giữa hệ TNVK tiếng Anh và tiếng Việt sẽ giúp ích cho việc chỉnh lý, chuẩn hóa TNVK tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực vũ khí, biên soạn từ điển đối dịch và từ điển giải thích TNVK. Với những lý do trên, chúng tôi chọn nội dung nghiên cứu **“*Thuật ngữ vũ khí: Nghiên cứu đối chiếu cấu tạo, định danh và tương đương dịch thuật Anh-Việt*”** để làm đề tài luận án.

2. Đối tượng, phạm vi và tư liệu nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ TNVK tiếng Anh với 1083 thuật ngữ và các tương đương dịch thuật của hệ thuật ngữ này trong tiếng Việt.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án là đối chiếu hai bình diện cấu tạo và định danh giữa các TNVK tiếng Anh với các TNVK tiếng Việt để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thuật ngữ này. Đồng thời, luận án cũng tiến hành khảo sát, đánh giá tương đương dịch thuật TNVK Anh-Việt.

2.3. Tư liệu nghiên cứu

Tư liệu nghiên cứu là các từ điển quân sự Anh-Việt và giáo trình tiếng Anh quân sự, gồm: Từ điển quân sự Anh-Việt, Phạm Bá Toàn, Nguyễn Văn Tư, Phạm Sĩ Tám, NXB Quân đội nhân dân, 2007; Từ điển Anh-Việt quân sự, NXB Quân đội nhân dân, 2006,...

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là: 1) xác định điểm tương đồng và khác biệt về mặt cấu tạo và định danh giữa các TNVK trong tiếng Anh và tiếng Việt; 2) nghiên cứu tương đương dịch thuật TNVK tiếng Anh và tiếng Việt; 3) đề xuất chỉnh lý, chuẩn hóa các TNVK Anh-Việt chưa thiếu chuẩn mực nhằm chuẩn hoá hệ thống TNVK tiếng Việt, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo ở một số trường đại học chuyên ngành quân sự tại Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục đích trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan những nghiên cứu đi trước về thuật ngữ, TNVK Anh-Việt và một số vấn đề lý thuyết có liên quan;
- Miêu tả và đối chiếu đặc điểm cấu tạo và định danh của TNVK Anh-Việt;
- Khảo sát và đánh giá tương đương dịch thuật TNVK Anh-Việt;
- Đề xuất phương hướng và giải pháp cụ thể để chỉnh lý, chuẩn hóa TNVK Anh-Việt.

4. Phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp miêu tả

Phương pháp miêu tả là hệ thống các thủ pháp nghiên cứu dùng để thể hiện đặc tính của các hiện tượng ngôn ngữ trong một giai đoạn phát triển nào đó. [Nguyễn Thiện Giáp, 2015, tr. 422]. Phương

pháp miêu tả được luận án vận dụng để miêu tả đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh của thuật ngữ vũ khí bằng cách phân tích các yếu tố cấu tạo thuật ngữ, phân loại và miêu tả các đặc trưng được sử dụng để định danh thuật ngữ.

4.1. Phương pháp đối chiếu

Phương pháp đối chiếu được vận dụng để phát hiện ra những điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh của TNVK trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đồng thời, phương pháp đối chiếu cũng được sử dụng kết hợp với phương pháp dịch để tìm ra các phương pháp thích hợp để chuyển dịch các TNVK tiếng Anh sang tiếng Việt.

4.3. Phương pháp dịch

Phương pháp dịch được dùng để khảo sát các cách thức chuyển dịch TNVK tiếng Anh sang tiếng Việt. Dựa vào kết quả khảo sát, luận án sẽ đưa ra nhận xét, đánh giá đối với các tương đương dịch thuật của các TNVK tiếng Anh trong tiếng Việt. Luận án cũng sẽ đề xuất những phương thức thích hợp để chuyển dịch TNVK tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngoài ra, luận án còn vận dụng một số thủ pháp nghiên cứu khác, gồm: thủ pháp thống kê, thủ pháp mô hình hóa. Những thủ pháp này được vận dụng nhằm xác định tần số của các thuật ngữ, tần số của các đặc điểm về cấu tạo và định danh, ... Kết quả thống kê được thể hiện thành các bảng biểu, các mô hình tiện cho việc phân tích, đối chiếu.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

a. Về mặt lý luận

Luận án chỉ ra những tương đồng và dị biệt về đặc điểm cấu tạo và đặc điểm định danh của TNVK tiếng Anh trong sự đối chiếu với tiếng Việt;

Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp thêm minh chứng củng cố lý thuyết về đối chiếu, định danh và chuyển dịch thuật ngữ khoa học, xây dựng và hoàn thiện hệ thống TNVK tiếng Việt.

b. Về mặt thực tiễn

Giúp người đọc hiểu rõ đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh của TNVK Anh-Việt và phương pháp chuyển dịch TNVK tiếng Anh sang tiếng Việt; Góp phần chỉnh lý, chuẩn hóa những TNVK Anh-Việt chưa đạt chuẩn; Và là tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ cho quá trình giảng dạy và biên soạn giáo trình tiếng Anh chuyên ngành quân sự và biên soạn từ điển TNVK.

6. Bố cục của luận án

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến luận án, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án bao gồm 4 chương như sau:

CHƯƠNG 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận

CHƯƠNG 2. Đối chiếu đặc điểm cấu tạo thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

CHƯƠNG 3. Đối chiếu đặc điểm định danh thuật ngữ vũ khí Anh- Việt

CHƯƠNG 4. Tương đương dịch thuật và chuẩn hóa thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Tình hình nghiên cứu thuật ngữ

1.1.1. Tình hình nghiên cứu thuật ngữ trên thế giới

Từ những năm 1930, việc nghiên cứu thuật ngữ thực sự diễn ra một cách sâu rộng và nở rộ. Giới ngôn ngữ học chứng kiến sự hình thành của ba trường phái nghiên cứu thuật ngữ lớn là: Trường phái nghiên cứu thuật ngữ Áo, Trường phái nghiên cứu thuật ngữ Tiệp Khắc và Trường phái nghiên cứu thuật ngữ Xô Viết.

Từ những năm cuối của thế kỉ XX trở lại đây, thuật ngữ vẫn tiếp tục thu hút được sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu khác. Các nghiên cứu mới được thực hiện theo ba hướng cơ bản: nghiên cứu thuật ngữ học theo hướng ngôn ngữ học (linguistic approach), nghiên cứu thuật ngữ học theo hướng dịch thuật (translation-oriented approach) và nghiên cứu thuật ngữ học theo hướng kế hoạch hóa ngôn ngữ (language planning).

1.1.2. Tình hình nghiên cứu thuật ngữ ở Việt Nam

Thực tế nghiên cứu thuật ngữ khoa học ở Việt Nam được khởi xướng từ đầu thế kỉ XX với một số ít thuật ngữ lẻ tẻ trong vài lĩnh vực hẹp. Dương Quảng Hàm (1919) được cho là người mở đầu cho công cuộc nghiên cứu về thuật ngữ. Tác giả cho rằng tiếng An Nam không nên mượn từ tiếng Pháp mà nên mượn từ tiếng Tàu (chữ Nho) để chuyển dịch các thuật ngữ, vì về triết học, khoa học, kĩ nghệ, tiếng Tàu “vừa tiện vừa chóng”, “đồng-chủng” với tiếng ta, sang, đúng nghĩa và rõ ràng [tr.292-293].

Kể từ những năm 1960, hoạt động nghiên cứu về thuật ngữ ở Việt Nam thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà nghiên cứu cũng như những người làm công tác giảng dạy và thực sự đã và đang diễn ra rất sôi nổi và rộng khắp trên nhiều lĩnh vực, chuyên ngành khác nhau. Kết quả là, công tác nghiên cứu thuật ngữ đã đạt được rất nhiều thành tựu, cả về số lượng và chất lượng.

1.1.3. Tình hình nghiên cứu thuật ngữ quân sự và thuật ngữ vũ khí

Sự quan tâm nghiên cứu về thuật ngữ quân sự nói chung và đặc biệt TNVK Anh-Việt chỉ ở mức khá khiêm tốn. Các công trình chủ yếu tập trung vào việc biên soạn từ điển giải thích thuật ngữ tiếng Anh hoặc từ điển đối chiếu giữa tiếng Anh với tiếng Việt.

1.2. Cơ sở lý luận liên quan đến luận án

1.2.1. Cơ sở lý luận về thuật ngữ

Trong luận án này, chúng tôi tiếp thu quan điểm của tác giả Nguyễn Thiện Giáp (2016), *thuật ngữ là bộ phận từ ngữ đặc biệt của ngôn ngữ, nó bao gồm những từ và cụm từ cố định là tên gọi chính xác của các loại khái niệm và các đối tượng thuộc các lĩnh vực chuyên môn của con người*. Bên cạnh đó, luận án bàn về các đặc điểm cơ bản của thuật ngữ, phân biệt thuật ngữ và một số khái niệm liên quan để tránh nhầm lẫn.

Đồng thời luận án cũng đưa ra quan niệm về TNVK: *TNVK là những từ ngữ cố định chỉ vật chất, phương tiện kỹ thuật hoặc tổ hợp các phương tiện kỹ thuật quân sự dùng tiêu diệt đối phương trong đấu tranh vũ trang. Thường gồm: phần trực tiếp diệt mục tiêu (chất độc,*

thuốc nổ, guom, tên, bom, đạn, tên lửa...) và *phương tiện đưa chúng tới mục tiêu (cung, nổ, súng, pháo, tàu, máy bay...)*.

Ngoài ra, luận án cũng trình cơ sở lý luận về đơn vị và phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt cũng như đơn vị cấu tạo thuật ngữ vũ khí Anh-Việt để phục vụ cho luận án.

1.2.2. Cơ sở lý luận về nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ

Luận án trình bày về nhiệm vụ, chức năng và mối quan hệ của ngôn ngữ học đối chiếu. Đồng thời chúng tôi cũng trình bày một số lưu ý khi tiến hành đối chiếu ngôn ngữ và những việc cần làm khi đối chiếu TNVK Anh-Việt về bình diện cấu tạo và định danh.

1.2.3. Cơ sở lý luận về định danh

Luận án đi tìm hiểu một số cơ sở lý luận quan trọng về định danh, bao gồm khái niệm định danh, quá trình định danh và nguyên tắc định danh.

1.2.4. Cơ sở lý luận về dịch thuật

Luận án trình bày quan niệm cơ bản về dịch thuật và các khái niệm có liên quan: Tương đương dịch thuật và các loại hình tương đương, tương đương chuyển dịch thuật ngữ, phương pháp dịch.

Trong khuôn khổ của luận án này, chúng tôi cũng sẽ khảo sát các tương đương dịch thuật TNVK Anh-Việt theo các phương thức chuyển dịch thuật ngữ (vay mượn, dịch sao phỏng, dịch nguyên văn, dịch chuyển vị, dịch biến điệu và dịch thoát) nhằm xác định những phương thức dịch hiệu quả trong chuyển dịch thuật TNVK Anh-Việt.

CHƯƠNG 2

ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO THUẬT NGỮ VŨ KHÍ ANH-VIỆT

2.1. Nhận diện và xác lập danh sách thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

Căn cứ vào khái niệm vũ khí đã đưa ra, luận án xác định: Về hình thức: mỗi thuật ngữ vũ khí có thể là một từ hoặc một ngữ cố định; Về nội dung: mỗi thuật ngữ vũ khí biểu thị một khái niệm hoặc một đối tượng cụ thể trong lĩnh vực vũ khí.

Dựa vào tiêu chí nội dung và hình thức của thuật ngữ vũ khí, chúng tôi đã thu thập được 1083 TNVK tiếng Anh và 976 tương đương chuyển dịch trong tiếng Việt.

2.2. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ vũ khí Anh-Việt xét theo phương thức cấu tạo

Theo thống kê của luận án, các TNVK tiếng Anh chủ yếu được tạo ra theo phương thức ghép và đều là các danh ngữ. phương thức phái sinh và viết tắt cũng được sử dụng với khá nhiều thuật ngữ.

100% TNVK tiếng Việt có cấu tạo phức được tạo bằng phương thức ghép.

Kết quả đối chiếu cho thấy các TNVK Anh-Việt đều chủ yếu được cấu tạo bằng phương thức ghép và cùng chiếm tỉ lệ cao vượt trội so với các tiểu loại thuật ngữ được cấu tạo bằng các phương thức khác (76.55% và 96.67%).

Điểm khác biệt nổi bật nhất là hệ TNVK tiếng Anh được cấu tạo theo 2 phương thức mà không có trong hệ TNVK tiếng Việt, đó là phương thức phụ gia và phương thức viết tắt.

Ngoài ra, trật tự ghép các thành tố không giống nhau. Các yếu tố trong TNVK tiếng Anh chủ yếu có trật tự phụ trước - chính sau, còn ở tiếng Việt chủ yếu được có trật tự chính trước - phụ sau.

2.3. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ vũ khí Anh-Việt xét theo số lượng yếu tố thuật ngữ

Kết quả khảo sát cho thấy TNVK tiếng Anh dài nhất là gồm 5 YTTN, trong đó số thuật ngữ gồm 2-3 YTTN chiếm đại đa số. Còn TNVK tiếng Việt dài nhất có 6YTTN và số thuật ngữ gồm 2-3 YTTN cũng chiếm đại đa số.

Kết quả đối chiếu hai hệ thuật ngữ cho thấy phần lớn (hơn 85%) các TNVK ở cả tiếng Anh và tiếng Việt đều gồm 2-3 YTTN. Tuy vậy, hệ TNVK tiếng Anh đảm bảo tiêu chí ngắn gọn hơn hệ TNVK tiếng Việt vì nó có nhiều thuật ngữ gồm 2 YTTN và ít thuật ngữ gồm 3-6 YTTN hơn so với TNVK tiếng Việt.

2.4. Mô hình cấu tạo thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

2.4.1. Mô hình cấu tạo thuật ngữ vũ khí tiếng Anh

Khảo sát 118 và 820 TNVK tiếng Anh là từ và ngữ có từ 2 YTTN trở lên, chúng tôi thu được 14 mô hình cấu tạo. Trong đó có 8 mô hình sản sinh ra ít nhất 5 thuật ngữ, mô hình 1.4 có tính sản sinh cao nhất, với 548 thuật ngữ.

** Mô hình cấu tạo 1.4*



2.4.2. Mô hình cấu tạo thuật ngữ vũ khí tiếng Việt

Khảo sát 13 và 896 TNVK tiếng Anh là từ và ngữ có từ 2 YTTN trở lên, chúng tôi thu được 25 mô hình cấu tạo. Trong đó, mô hình 2.2 có tính sản sinh cao nhất, với 437 thuật ngữ.

** Mô hình cấu tạo 2.2*



2.4.3. Đối chiếu mô hình cấu tạo thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

Hai hệ thuật ngữ đều có khá nhiều mô hình có khả năng sản sinh cao và mô hình cấu tạo của các thuật ngữ gồm 2 YTTN có khả năng sản sinh cao vượt trội so với các mô hình khác.

Hệ TNVK tiếng Anh có số lượng mô hình cấu tạo thuật ngữ ít hơn nhiều so với hệ TNVK tiếng Việt (14 mô hình so với 25 mô hình). Ngoài ra, cả hai hệ TNVK không có mô hình nào có khả năng sản sinh ra hơn 4 đơn vị thuật ngữ có cấu tạo gồm ít nhất 5 YTTN. Tiếp đó, trật tự các yếu tố trong hai ngôn ngữ trái ngược nhau.

2.5. Điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm cấu tạo thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

TNVC Anh-Việt chủ yếu được cấu tạo bằng phương thức ghép nhưng hệ TNVK tiếng Anh còn có khá nhiều thuật ngữ được cấu tạo bằng phương thức phụ gia/phái sinh và viết tắt. Tuy nhiên, hệ TNVK tiếng Anh đảm bảo tiêu chí ngắn gọn hơn hệ TNVK tiếng Việt. Thêm vào đó, hệ TNVK tiếng Anh có số lượng mô hình cấu tạo thuật ngữ ít hơn nhiều so với hệ TNVK tiếng Việt (14 mô hình so với 25 mô hình) và trật tự quan hệ của các YTTN trong các mô hình cấu tạo thường trái ngược nhau.

CHƯƠNG 3

ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM ĐỊNH DANH THUẬT NGỮ VŨ KHÍ ANH-VIỆT

3.1. Các phạm trù nội dung của thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

Dựa vào cơ sở lý luận, chúng tôi xác định 7 phạm trù nội dung của TNVK Anh- Việt như sau: (1) Các thuật ngữ chỉ vũ khí nói chung; (2) Các thuật ngữ chỉ chất độc; (3) Các thuật ngữ chỉ chất nổ; (4) Các thuật ngữ chỉ vũ khí lạnh; (5) Các thuật ngữ chỉ vũ khí nóng; (6) Các thuật ngữ chỉ phương tiện bắn/phóng; (7) Các thuật ngữ chỉ phương tiện mang (tàu, máy bay, xe chiến đấu...)

3.2. Đặc điểm định danh của thuật ngữ vũ khí Anh-Việt xét theo kiểu ngữ nghĩa

Về tính trực tiếp và gián tiếp của tên gọi, nhìn chung cả hệ TNVK tiếng Anh và hệ TNVK tiếng Việt đều có gần như tuyệt đại đa số các thuật ngữ được gọi tên theo lối trực tiếp với 93.65% trong tiếng Anh và 99.25% trong tiếng Việt. Trong khi đó, mặc dù chiếm tỉ lệ không lớn nhưng hệ TNVK tiếng Anh có 67/1054 thuật ngữ được định danh gián tiếp, chiếm 6.35%, cao hơn 8 lần so với số thuật ngữ được định danh theo lối gián tiếp trong hệ TNVK tiếng Việt, với 7/930 đơn vị, chiếm 0.75%.

Về mặt nội dung ý nghĩa rộng và hẹp của tên gọi, cả hệ TNVK tiếng Anh và hệ TNVK tiếng Việt đều có phần lớn số tên gọi có nội dung ý nghĩa hẹp. Cụ thể, hệ TNVK tiếng Anh có 971/1054 thuật ngữ có nội dung ý nghĩa hẹp, chiếm 92.13%, và có 83/1054 thuật ngữ có nội dung ý nghĩa rộng, chiếm 7.87%. Còn hệ TNVK tiếng Việt có

847/930 thuật ngữ có nội dung ý nghĩa hẹp, chiếm 91.08% và có 83/930 thuật ngữ có nội dung ý nghĩa rộng, chiếm 8.92%. Đồng thời, những số liệu trên cho thấy mức độ khác nhau về nội dung ý nghĩa rộng và nội dung ý nghĩa hẹp giữa hệ TNVK tiếng Anh và hệ TNVK tiếng Việt là rất nhỏ.

3.3. Đặc điểm định danh của thuật ngữ vũ khí Anh-Việt xét theo cách thức biểu thị

Về mặt định danh theo lối hòa kết hay phân tích tính, phần lớn các TNVK tiếng Anh và tiếng Việt là những tên gọi được định danh theo lối phân tích tính (Tỉ lệ tương ứng là 89.00% và 97.74%).

Tuy nhiên, hệ TNVK tiếng Việt thể hiện rõ tính phân tích và có thể thấy rõ lí do định danh cao hơn hệ TNVK tiếng Anh nhưng ngược lại tính tổng hợp lại thấp hơn hệ TNVK tiếng Anh (2.26% so với 11.00%). Ngoài ra, hệ TNVK tiếng Anh có nhiều thuật ngữ mang tính thành ngữ hơn hệ TNVK tiếng Việt.

Số liệu khảo sát cho thấy số lượng các đặc trưng được lựa chọn làm cơ sở định danh thuật ngữ tương đối đa dạng và đồng đều, với 20 đặc trưng định danh chung giữa hệ TNVK tiếng Anh và tiếng Việt. Tiếp đó, số lượng các mô hình định danh của các thuật ngữ theo các phạm trù nội dung là như nhau.

Bên cạnh những điểm giống nhau, một số phạm trù nội dung của hệ TNVK tiếng Việt có nhiều đặc trưng định danh hơn hẳn so với hệ TNVK tiếng Anh (phạm trù nội dung chỉ vũ khí lạnh và thuốc nổ). Thêm vào đó, hệ TNVK tiếng Việt có nhiều hơn hai đặc trưng định

danh so với hệ TNVK tiếng Anh, đó là đặc trưng chỉ *vật liệu* và đặc trưng chỉ *kiểu loại*.

3.4. Điểm tương đồng và khác biệt về đặc điểm định danh của thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

3.4.1. Xét theo kiểu ngữ nghĩa

Đại đa số thuật ngữ của hệ TNVK tiếng Anh và hệ TNVK tiếng Việt là những tên gọi mang tính trực tiếp. Nói cách khác, chúng là những thuật ngữ được định danh theo lối trực tiếp.

Mặc dù chiếm một tỉ lệ không lớn nhưng các TNVK tiếng Anh được định danh gián tiếp nhiều hơn khoảng 8 lần so với số thuật ngữ tương ứng trong tiếng Việt (6.35% so với 0.75%). Điều này cho thấy khi định danh các TNVK tiếng Anh, các chủ thể định danh dường như có thiên hướng chuyển nghĩa những tên gọi hiện có ở mức độ cao hơn so với các chủ thể định danh TNVK tiếng Việt. Ngược lại, các chủ thể định danh TNVK tiếng Việt có thiên hướng lựa chọn các đặc trưng đập vào mắt để tạo ra các tên gọi ở mức độ cao hơn.

Về mặt nội dung ý nghĩa rộng và hẹp của tên gọi, kết quả đối chiếu chứng tỏ rằng mức độ tương đồng về nội dung ý nghĩa rộng và nội dung ý nghĩa hẹp giữa hệ TNVK tiếng Anh và hệ TNVK tiếng Việt là rất lớn.

3.4.2. Xét theo cách thức biểu thị

Đa phần các TNVK tiếng Anh và tiếng Việt là những tên gọi được định danh theo lối phân tích tính (89.00% trong tiếng Anh và 97.74% trong tiếng Việt).

Tuy vậy, hệ TNVK tiếng Việt thể hiện rõ tính phân tích và rõ lí do định danh cao hơn đáng kể so với hệ TNVK tiếng Anh nhưng ngược lại tính tổng hợp lại thấp hơn đáng kể khi so sánh với hệ TNVK tiếng Anh (2.26% so với 11.00%). Theo chúng tôi, hệ TNVK tiếng Việt có tỉ lệ các thuật ngữ được định danh theo lối tổng hợp thấp hơn đáng kể so với hệ TNVK tiếng Anh bởi hai lí do sau đây. Thứ nhất, tiếng Anh là ngôn ngữ hòa kết, tổng hợp tính nên sẽ có nhiều thuật ngữ là từ hơn so với tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, phân tích tính. Thứ hai, các chủ thể định danh TNVK tiếng Anh dường như có thiên hướng liên tưởng ở mức độ cao hơn các chủ thể định danh trong tiếng Việt vì có 54 thuật ngữ có tính thành ngữ.

Về bình diện đặc trưng định danh và mô hình định danh, các số liệu so sánh đối chiếu cũng chứng tỏ rằng có một sự tương đồng lớn về số lượng các đặc trưng được chọn làm cơ sở định danh và các mô hình định danh thuật ngữ.

Điểm khác biệt rõ hơn cả là hệ TNVK tiếng Anh có số đặc trưng định danh ít hơn hệ TNVK tiếng Việt hai đặc trưng. Có lẽ, sự khác biệt trên cũng bắt nguồn từ sự khác biệt về loại hình ngôn ngữ giữa tiếng Anh với tiếng Việt. Tiếng Anh có tính tổng hợp cao hơn tiếng Việt. Do vậy, đặc trưng chỉ *vật liệu* và *kiểu loại* không được thể hiện ở thuật ngữ *punji* và *tank* ở tiếng Anh mà chỉ được thể hiện ở tương đương dịch thuật của nó là *chông tre* và *xe tăng* trong tiếng Việt. Tuy nhiên, những điểm khác biệt trên chỉ được biểu hiện ở rất ít thuật ngữ.

CHƯƠNG 4

TƯƠNG ĐƯƠNG DỊCH THUẬT VÀ CHUẨN HÓA THUẬT NGỮ VŨ KHÍ ANH - VIỆT

4.1. Thực trạng tương đương dịch thuật thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

4.1.1. Tương đương dịch thuật thuật ngữ vũ khí Anh - Việt xét về phương diện hình thức

Kết quả khảo sát 1040 TNVK tiếng Anh và tiếng Việt tương đương về mặt hình thức cho thấy các TNVK tiếng Anh phải biến đổi cấu tạo có số lượng khá nhiều, với 211/1040 (20.29%) là từ chuyển thành ngữ và 1/1040 (0.10%) là ngữ chuyển thành từ.

4.1.2. Tương đương dịch thuật thuật ngữ vũ khí Anh - Việt xét về phương diện nội dung

Các kiểu tương đương dịch thuật TNVK Anh-Việt theo phương diện nội dung, gồm: tương đương 1-1 (69.42%), tương đương 1-nhiều (5.10%), tương đương nhiều-1 (25%), tương đương nhiều-nhiều (0.48%).

4.1.3. Tương đương dịch thuật thuật ngữ vũ khí Anh - Việt xét về phương diện phương thức chuyển dịch

Các phương thức chuyển dịch được vận dụng gồm: dịch nguyên văn, dịch sao phỏng, dịch chuyển vị, dịch biến điệu, dịch thoát, vay mượn, trực dịch, dịch miêu tả. Những các phương thức này có thể được kết hợp đan xen, linh hoạt với nhau để tìm ra một tương đương tiếng Việt hợp lý nhất cho các TNVK tiếng Anh.

4.1.4. Đánh giá thực trạng chuyển dịch thuật ngữ vũ khí Anh - Việt

Luận án đưa ra những đánh giá chi tiết những ưu điểm và hạn chế đối với các TNVK tiếng Việt. Đồng thời, luận án cũng chỉ ra các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến thực trạng khá nhiều TNVK được chuyển dịch chưa đạt chuẩn từ tiếng Anh. Trên cơ sở đó, luận án kiến nghị một số đề xuất đối với việc chuyển dịch TNVK tiếng Anh sang tiếng Việt

4.2. Phương hướng chuẩn hóa thuật ngữ vũ khí Anh-Việt

4.2.1. Một vài vấn đề về chuẩn hóa và chuẩn hóa thuật ngữ

Trước hết, luận án đi tìm hiểu khái niệm chuẩn hóa và các nguyên tắc chuẩn hóa ngôn ngữ cũng như thuật ngữ. Dựa trên cơ sở lý luận đó, luận án đưa ra những đề xuất đối với việc chỉnh lý, chuẩn hóa các TNVK chưa đạt chuẩn.

4.2.2. Phương hướng chuẩn hoá thuật ngữ vũ khí tiếng Anh đồng nghĩa

Để chuẩn hóa những thuật ngữ trên, chúng tôi sẽ ưu tiên chọn những thuật ngữ hoặc thuật ngữ chứa yếu tố thuật ngữ có một hoặc nhiều đặc điểm sau: ngắn gọn, có khả năng sản sinh cao, tham gia cấu tạo các thuật ngữ khác với tần suất cao hơn so với các thuật ngữ hoặc yếu tố thuật ngữ đồng nghĩa.

TNVK tiếng Anh đồng nghĩa	Đề xuất chuẩn hóa
antiarmor missile - tên lửa chống tăng	antitank missile
antitank missile - tên lửa chống tăng	

4.2.3. Phương hướng chuẩn hoá thuật ngữ vũ khí tiếng Việt chưa đạt chuẩn

Để quá trình chuẩn hóa các TNVK tiếng Việt được chuyển dịch từ tiếng Anh đạt hiệu quả cao, luận án đề xuất nguyên tắc chung và riêng đối với từng nhóm thuật ngữ chưa đạt chuẩn. Ví dụ:

Nguyên tắc lựa chuẩn hóa các TNVK tiếng Việt thuộc kiểu tương đương 1-nhiều là ưu tiên những thuật ngữ có tính hệ thống, ngắn gọn, có khả năng phái sinh hay có tần suất sử dụng cao hơn so với các thuật ngữ khác.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Đề xuất chuẩn hóa
bomb	bom, quả bom	bom

Nguyên tắc chuẩn hóa đối với những thuật ngữ có tính miêu tả dài dòng (xem Phụ lục 4) là: 1) thay thế bằng các thuật ngữ tương đương mà đảm bảo tính chính xác, ngắn gọn, sẵn có trong từ điển bách khoa quân sự tiếng Việt; 2) hoặc là bằng cách lược bỏ các thành tố/yếu tố dư thừa và thay thế bằng các thành tố/yếu tố cô đọng, ngắn gọn mà vẫn đảm bảo tính chính xác, tính hệ thống và tính khu biệt cao nếu có thể; 3) hay chuyển dịch lại các thuật ngữ bằng các phương thức dịch thích hợp hơn nếu cần thiết.

Tiếng Anh	Tiếng Việt	Đề xuất chuẩn hóa
scatterable mine	mìn nổ phá mảnh chống bộ binh	mìn mảnh
boomerang missile	tên lửa có động cơ để bay về căn cứ	tên lửa hồi cú

KẾT LUẬN

Thuật ngữ vũ khí là những tên gọi chỉ khái niệm, đối tượng gắn liền với sự nghiệp giữ nước của nhân dân Việt Nam trước kia. Ngày nay chúng vẫn gắn liền với đời sống chính trị của nhân dân ta khi thường xuyên xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, ti vi,.. Trong luận án này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đối chiếu TNVK Anh-Việt ở các bình diện cấu tạo, định danh và tương đương dịch thuật. Trên cơ sở các nội dung nghiên cứu, luận án có thể rút ra một số kết luận như sau:

1. Dựa vào các cơ sở lý luận về thuật ngữ mà các nhà ngôn ngữ học quốc tế và Việt Nam đã đưa ra, luận án xác định: *Vũ khí là “vật chất, phương tiện kỹ thuật hoặc tổ hợp các phương tiện kỹ thuật quân sự dùng tiêu diệt đối phương trong đấu tranh vũ trang. Thường gồm: phần trực tiếp diệt mục tiêu (chất độc, thuốc nổ, gươm, tên, bom, đạn, tên lửa...), phương tiện đưa chúng tới mục tiêu (cung, nỏ, súng, pháo, tàu, máy bay...)”*. Trên cơ sở các nguồn tư liệu đã lựa chọn, luận án thu thập được 1083 TNVK tiếng Anh và các tương đương chuyển dịch trong tiếng Việt của chúng để làm ngữ liệu nghiên cứu đối chiếu.

2. **Về đặc điểm cấu tạo**, phần lớn các TNVK ở tiếng Anh và tiếng Việt được cấu tạo bằng phương thức ghép. Trong đó phương thức ghép chính phụ tạo ra tuyệt đại đa số các TNVK là từ ghép và ngữ. Tuy nhiên, phương thức ghép chính phụ chủ yếu giữa hai ngôn ngữ là không giống nhau, các TNVK tiếng Anh được ghép theo trật tự phụ-chính, trái lại các TNVK tiếng Việt được ghép theo trật tự chính-phụ.

Bên cạnh đó, hệ TNVK tiếng Anh còn có các thuật ngữ được cấu tạo bằng phương thức ghép đẳng lập, phương thức phụ gia và viết tắt;

Về số lượng YTTN, phần lớn các TNVK ở cả tiếng Anh và tiếng Việt đều được cấu tạo bởi 2 YTTN hoặc 3 YTTN. Điều này cho thấy các thuật ngữ ở cả hai thứ tiếng thường có cấu tạo ngắn gọn, súc tích. Tuy vậy, các TNVK tiếng Anh gồm 2 YTTN có số lượng nhiều hơn số thuật ngữ tương ứng trong tiếng Việt. Ngoài ra, về độ dài thì các TNVK tiếng Anh chỉ có tối đa là 5 YTTN, còn các TNVK tiếng Việt có tối đa là 6 YTTN. Những điều này cho thấy một thực tế là các TNVK tiếng Anh thường có cấu tạo ngắn gọn, súc tích hơn các TNVK tiếng Việt;

Về mô hình cấu tạo, cả hệ TNVK tiếng Anh và hệ TNVK tiếng Việt đều có số lượng mô hình cấu tạo có tính sản sinh cao ở mức độ tương đương nhau. Thêm vào đó, đa phần các YTTN trong các mô hình cấu tạo có quan hệ chính phụ, thuận theo trật tự cú pháp thông thường của mỗi ngôn ngữ. Tiếp đó, phần lớn các TNVK tiếng Anh và TNVK tiếng Việt chủ yếu được cấu tạo theo mô hình cấu tạo với 2 YTTN. Đây là cũng mô hình cấu tạo TNVK có tính ngắn gọn, súc tích và có sức sản sinh thuật ngữ cao trong số các mô hình được vận dụng ở cả hai hệ thuật ngữ.

Điểm khác biệt lớn về mô hình cấu tạo là hệ TNVK tiếng Anh có số lượng mô hình cấu tạo thuật ngữ ít hơn nhiều so với hệ TNVK tiếng Việt (14 mô hình so với 25 mô hình) mặc dù có số lượng thuật ngữ được phân tích nhiều hơn (938 TNVK tiếng Anh so với 909 TNVK tiếng Việt). Do vậy, bình quân một mô hình cấu tạo của hệ

TNVK tiếng Anh có khả năng sản sinh thuật ngữ cao hơn nhiều so với mỗi mô hình của hệ TNVK tiếng Việt. Kết quả khảo sát cho thấy trung bình mỗi mô hình trong tiếng Anh sản sinh ra 67.14 thuật ngữ, còn mỗi mô hình trong tiếng Việt sản sinh ra 36.36 thuật ngữ. Ngoài ra, trật tự quan hệ của các YTTN trong các mô hình cấu tạo thường trái ngược nhau giữa hai hệ thuật ngữ, trật tự quan hệ của các YTTN trong TNVK tiếng Anh là phụ trước, chính sau nhưng trật tự quan hệ của các YTTN trong TNVK tiếng Việt là chính trước, phụ sau.

3. Về đặc điểm định danh, xét theo kiểu ngữ nghĩa và cách thức biểu thị, giữa hai ngôn ngữ có nhiều nét tương đồng trong cách đặt tên các loại vũ khí, còn những nét dị biệt chỉ được biểu hiện một số ít thuật ngữ. Cả hệ TNVK tiếng Anh và hệ TNVK tiếng Việt có gần như tuyệt đại đa số các thuật ngữ (trên 90%) được định danh trực tiếp và có ít thuật ngữ được định danh gián tiếp. Ngoài ra, trên 90% thuật ngữ là những tên gọi mang nội dung ý nghĩa hẹp, số còn lại là những tên gọi có nội dung ý nghĩa rộng.

Xét theo cách thức biểu thị, đa số các TNVK tiếng Anh và tiếng Việt là những biểu thức định danh có cấu tạo đa thành tố, thể hiện rõ tính phân tích tính và chúng là những biểu thức định danh mang tính chủ quan và thấy rõ lí do định danh tương đối. Ngoài ra, số lượng các mô hình định danh có tính sản sinh cao và thuận theo cú pháp của mỗi ngôn ngữ là như nhau. Số lượng các đặc trưng định danh của hệ TNVK tiếng Anh và hệ tiếng Việt tương đối đa dạng và đồng đều, với 20 và 22 đặc trưng. Những đặc trưng định danh được sử dụng với tần suất từ cao xuống thấp trong cả hai hệ thuật ngữ là tương đối giống nhau.

Trong đó, các đặc trưng chỉ *mục đích/chức năng, cấu tạo và khả năng cơ động* đều được sử dụng với tần suất cao và theo đúng thứ tự từ cao xuống thấp trong cả hai ngôn ngữ. Còn các đặc trưng chỉ *thời gian, số lượng, âm thanh, phản ứng hóa học và trạng thái* được lựa chọn không đến 5 lần để định danh các thuật ngữ.

Ngoài những điểm tương đồng kể trên, luận án cũng xác định được một số điểm khác biệt. Đó là sự khác biệt về phương thức định danh, hệ TNVK tiếng Anh có tỉ lệ thuật ngữ được định danh gián tiếp cao hơn khoảng 8 lần so với hệ TNVK tiếng Việt (6.35% TNVK tiếng Anh so với 0.75% TNVK tiếng Việt). Tiếp theo, hệ TNVK tiếng Anh có không ít thuật ngữ là từ ghép và ngữ được định danh theo lối hòa kết và mang tính thành ngữ về ngữ nghĩa, còn hệ TNVK tiếng Việt thì có rất ít thuật ngữ được định danh theo kiểu này. Bên cạnh đó, hệ TNVK tiếng Anh có ít hơn 2 đặc trưng định danh so với hệ TNVK tiếng Việt. Nguyên nhân của những khác biệt trên có thể hoặc là do sự khác biệt về phương thức định danh hoặc là do sự khác biệt về loại hình ngôn ngữ.

4. Về tương đương dịch thuật, dựa vào các cơ sở lý luận về dịch thuật, tương đương dịch thuật, phương pháp dịch thuật ngôn ngữ nói chung và thuật ngữ nói riêng, luận án tiến hành khảo sát và đánh giá tương đương dịch thuật TNVK Anh-Việt về phương diện hình thức, nội dung và phương thức dịch thuật với mong muốn có được một sự đánh giá toàn diện, chuyên sâu về quá trình chuyển dịch TNVK Anh-Việt;

Về mặt hình thức, hệ TNVK tiếng Anh có những biến đổi nhất định về cấu tạo khi được chuyển dịch sang tiếng Việt. Số lượng TNVK Anh bị biến đổi về cấu tạo là 212/1040 (chiếm 20.38%) đơn vị, với 211/1040 (20.29%) đơn vị là từ được chuyển dịch thành ngữ trong tiếng Việt và 1/1040 (0.10%) đơn vị là ngữ được chuyển dịch thành từ trong tiếng Việt;

Về mặt nội dung, hệ TNVK Anh được chuyển dịch sang tiếng Việt theo khá nhiều kiểu tương đương. Đó là kiểu tương đương 1-1, kiểu tương đương 1-nhiều, kiểu tương đương nhiều-1 và kiểu tương đương nhiều- nhiều. Trong đó, kiểu tương đương 1-1, kiểu tương đương lí tưởng nhất có số lượng nhiều nhất với 722/1040 (69.42%) thuật ngữ. Tiếp đó, lần lượt là kiểu tương đương nhiều-1 với 260/1040 (25.00%) thuật ngữ, kiểu tương đương 1-nhiều với 53/1040 (5.10%) thuật ngữ, và kiểu tương đương nhiều-nhiều chỉ với 5/1040 (0.48%) thuật ngữ;

Về phương thức chuyển dịch, để chuyển dịch các TNVK tiếng Anh sang tiếng Việt, các dịch giả đã vận dụng những phương thức dịch thông dụng đối với dịch thuật ngữ như: vay mượn, trực dịch, dịch nguyên văn, dịch sao phỏng, dịch chuyển vị, dịch biến điệu và dịch thoát. Những phương thức dịch trên có thể được các dịch giả sử dụng riêng lẻ hay kết hợp linh hoạt với nhau để tìm ra một tương đương thích hợp trong tiếng Việt. Trong đó, dịch chuyển vị là phương thức dịch có thể làm thay đổi đặc trưng định danh của TNVK tiếng Anh khi được chuyển dịch sang tiếng Việt, còn dịch thoát và dịch biến điệu là những phương thức dịch có thể làm thay đổi phương thức định danh.

5. Dựa vào kết quả khảo sát về tương đương dịch thuật TNVK Anh-Việt, luận án đã đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân đối với quá trình chuyển dịch TNVK từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

6. Cuối cùng, dựa trên cơ sở lý luận về chuẩn hóa thuật ngữ và thực trạng chuyển dịch TNVK Anh-Việt, luận án đề xuất phương án chỉnh lý, chuẩn hóa các TNVK tiếng Anh và tiếng Việt đồng nghĩa. Thêm vào đó, luận án cũng tiến hành chỉnh lý, chuẩn hóa khá nhiều TNVK tiếng Việt được chuyển dịch chưa thỏa đáng từ tiếng Anh do dùng thừa từ hay mang tính miêu tả dài dòng hoặc do được chuyển dịch thiếu chính xác.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Luu Van Nam (2019), “Translation methods for weapon nomenclatures from English into Vietnamese - Phương pháp chuyển dịch danh pháp vũ khí từ tiếng Anh sang tiếng Việt”, *The Linguistics and Life Journal*, Vol. 5 (285), pp. 20-29.
2. Luu Van Nam (2020), “Nominative features of weapon terms in English - Đặc trưng định danh thuật ngữ vũ khí trong tiếng Anh”, *American Journal of Educational Research*, Vol. 8 (5), pp. 278-281.
3. Luu Van Nam (2021), “Nominative features of English-Vietnamese weapon terms - Đặc trưng định danh thuật ngữ vũ khí Anh - Việt”, *British Journal of English Linguistics*, Vol. 9 (3), pp.20-28.